TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 20/2019/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đức và bà Phạm Thị Phương Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị B kết hôn với nhau ngày 28/12/2007 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới, chị B về gia đình nhà anh làm dâu và sinh sống ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày giữa anh và chị B không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, thiếu sự chia sẻ cảm

thông dẫn đến xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Chị B không chịu làm việc và chăm sóc cho gia đình, khi con ốm đau chị B bỏ bê để mặc cho một mình anh chăm sóc. Anh và chị B đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện ngược lại mâu thuẫn còn trầm trọng hơn. Tháng 8 năm 2018, anh và chị B sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị B.

Bị đơn là chị Đỗ Thị B trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như lời trình bày trên của anh T là đúng. Chị B thừa nhận vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chính là do gia đình nhà anh T còn bản thân vợ chồng chị mâu thuẫn chưa đến mức độ phải ly hôn nhau. Khi chị sinh cháu Nguyễn Thị H, do cháu H bị bệnh nên chị phải thường xuyên thức khuya dậy sớm để chăm sóc, gia đình anh T không những không thông cảm chia sẻ với chị mà mặt nặng mày nhẹ rồi vè ra đủ các lý do để đổ lỗi cho chị đến khi chị không chịu đựng được cãi lại thì nói là chị cãi giả rồi đánh, đuổi chị ra khỏi nhà. Chị thừa nhận, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thời gian sẽ có thể hàn gắn lại nên anh T xin ly hôn, chị không đồng ý, chị đề nghị Tòa án cho chị và anh T về đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc và nuôi dạy các con.

Tại phiên tòa chị B xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T chỉ bình thường nhưng vì các con nên chị xin đoàn tụ để cho các con của chị có đủ cả bố lẫn mẹ.

Về con chung: Anh T và chị B đều xác định, vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/10/2008; cháu Nguyễn Thu C, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 09/9/2017; hiện nay các con đang ở với anh T. Trường hợp ly hôn, anh T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 03 con, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của chị B đồng ý để cho anh T nuôi dưỡng cả 03 con vì hiện tại hoàn cảnh của chị đang rất khó khăn không đủ điều kiện để nuôi các con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2019, nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn Q con chung của anh T và chị B là xin được ở với bố.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T và chị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng

quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T và cho anh T được ly hôn với chị Đỗ Thị B.

Về con chung: Giao cho anh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/10/2008; cháu Nguyễn Thu C, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 09/9/2017. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị B.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T và chị B không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là chị Đỗ Thị B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình.Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2].Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị B không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B. Chị B xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau nhưng xét thấy vẫn còn và có thể hàn gắn lại được nên chị B không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án cho chị được đoàn tụ với anh T để vợ chồng có điều kiện cùng nhau nuôi dạy các con. Xét thấy, anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, anh T và chị B đều chưa ai kết hôn lần nào cho nên Hội đồng xét xử nhận định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị B đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn

và xác định thời gian vợ chồng sống ly thân với nhau vào khoảng cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả anh T và chị B đều cố gắng tìm biện pháp để gắn kết lại tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng hơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã phân tích hòa giải để anh T và chị B về sống đoàn tụ nhưng cả hai anh chị vẫn cãi vã, mâu thuẫn vẫn căng thẳng. Chị B xin đoàn tụ nhưng chị B không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm, trong thời gian vợ chồng sống ly thân bản thân, chị B thừa nhận chị không quan tâm gì đến cuộc sống của anh T. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị B đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh T được ly hôn chị Đỗ Thị B.

Về con chung: Anh T và chị B đều thừa nhận, vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/10/2008, cháu Nguyễn Thu C, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 09/9/2017; hiện nay các con đang ở với anh T. Ly hôn, nguyện vọng của anh T xin được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị B đồng ý giao cả 03 con cho anh T nuôi vì chị chưa đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Nguyện vọng của cháu Q xin được ở với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Xét thấy, yêu cầu xin nuôi con của anh T là chính đáng. Tại phiên tòa chị B đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, nguyện vọng của cháu Q xin được ở với bố phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, hiện tại các con của anh T chị B đang sinh sống ổn định cùng với anh T. Để đảm bảo tâm lý, tránh làm sáo trộn cuộc sống của các cháu. Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu Q, C và H cho đến khi thành niên. Do anh T không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị B.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đỗ Thị B.

2/ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/10/2008, cháu Nguyễn Thu C, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 09/9/2017 cho anh Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Đỗ Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị B.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000760 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh T đã nộp đủ.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh